

Summary of Channel 49 +:

Lat: 33-31-01.0 N

Lon: 95-38-12.0 W

ERP: 150.000 kW

ComStudy 2.2 RadioSoft

Callsign	City	Class	Status	ERP	Sep Typ	Status	Dist	Prot	Clearanc	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Con	Svc Stre	Int Cont	Int Stren	Old Pop	New Pop	Total Po	Old Pop	New Pop
	CAMDE	INTSC	LIC	1510.00	C/M	Clear	273.7	-	166.9	28	0.0	6.0	2	UHF	49 -	Co	LR	F(50,50)	64	F(50,10)	36	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
	ARDMO	LPTV	APP	1.000	C/M	Clear	156.2	-	131.3	28	0.0	6.0	0	UHF	49 -	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	46	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K27AZ	LAWTO	LPTV	LIC	26.400	C/M	Clear	281.4	-	221.0	45	0.0	6.0	0	UHF	49 +	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K53GB	PARIS	LPTV	APP	47.500	C/M	Clear	256.5	-	190.8	28	0.0	6.0	0	UHF	49 Z	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	46	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KATA-L	MESQUA		CP	50.000	C/M	Clear	164.0	-	126.4	-3	0.0	6.0	0	UHF	50 -	A+1	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	89	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KETK-TV	JACKSON	NTSC	CP	4570.00	D/M	N/C	186.4	100	86.4	-30	0.0	6.0	3	UHF	56 Z	T+7	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KETK-TV	JACKSON	NTSC	LIC	5000.00	D/M	N/C	164.6	100	64.6	-30	0.0	6.0	2	UHF	56 Z	T+7	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KKYK-TV	CAMDE	INTSC	LIC	3020.00	C/M	Clear	273.6	-	162.4	28	0.0	6.0	2	UHF	49 -	Co	LR	F(50,50)	64	F(50,10)	36	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KNVA*	AUSTIN	DTV	LIC	177.600	C/M	Clear	409.3	-	220.5	2	10.0	14.0	3	UHF	49	Co	LR	F(50,90)	42	F(50,10)	21	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KNVA-DA	AUSTIN	DTV	CP	500.000	C/M	Clear	409.3	-	216.9	2	10.0	14.0	3	UHF	49	Co	LR	F(50,90)	42	F(50,10)	21	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KOKT-L	SULPHUR	LPTV	APP	3.500	C/M	Clear	89.4	-	76.3	-9	0.0	6.0	0	UHF	34 Z	T-15	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	80	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KPXB	CONRO	NTSC	LIC	4270.00	C/M	Clear	363.7	-	72.5	45	0.0	6.0	3	UHF	49 +	Co	LR	F(50,50)	64	F(50,10)	19	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KPXB	CONRO	NTSC	CP	5000.00	C/M	Clear	368.5	-	48.4	45	0.0	6.0	3	UHF	49 +	Co	LR	F(50,50)	64	F(50,10)	19	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KSTR-D	IRVING	DTV	CP	225.000	C/M	Clear	164.1	-	63.7	-49	10.0	14.0	2	UHF	48	A-1	LR	F(50,90)	42	F(50,10)	90	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KSTR-TV	IRVING	NTSC	LIC	4470.00	C/M	Clear	164.1	-	24.7	28	0.0	6.0	2	UHF	49 Z	Co	LR	F(50,50)	64	F(50,10)	36	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KSTR-TV	IRVING	DTV	LIC	181.400	C/M	Clear	161.6	-	75.5	-49	10.0	14.0	2	UHF	48	A-1	LR	F(50,90)	42	F(50,10)	90	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KTAQ	GREEN	NTSC	LIC	14.100	D/M	N/C	61.6	32	29.6	-29	0.0	6.0	2	UHF	47 +	T-2	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KTAQ	GREEN	NTSC	CP	4680.00	D/M	N/C	61.6	32	29.6	-29	0.0	6.0	2	UHF	47 +	T-2	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KTVV-L	HOT SPA		CP	3.200	C/M	Clear	259.6	-	187.7	45	0.0	6.0	0	UHF	49 +	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KWMJ	TULSA	NTSC	LIC	1780.00	D	Clear	282.3	32	250.3	-	-	-	2	UHF	53 Z	T+4	LR	-	-	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KWMJ*	TULSA	DTV	LIC	50.000	C/M	Clear	282.3	-	149.7	2	10.0	14.0	2	UHF	49	Co	LR	F(50,90)	42	F(50,10)	21	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KWMJ-TV	TULSA	DTV	CP	50.000	C/M	Clear	282.3	-	149.7	2	10.0	14.0	2	UHF	49	Co	LR	F(50,90)	42	F(50,10)	21	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KWTX-D	WACO	NTSC	LIC	501.000	D	Clear	290.6	32	258.6	-	-	-	0	UHF	53	T+4	LR	-	-	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	ARDMO	LPTV	APP	1.000	C/M	Clear	156.2	-	131.3	28	0.0	6.0	0	UHF	49 -	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	46	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	DURAN	LPTV	CP	1.000	C/M	Clear	87.3	-	79.3	-3	0.0	6.0	0	UHF	50 -	A+1	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	89	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	ABILEN	LPTV	APP	30.990	C/M	Clear	324.8	-	296.3	28	0.0	6.0	0	UHF	49 -	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	46	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	COOPER	LPTV	APP	150.000	C/M	Interf	0.0	-	-63.8	45	0.0	6.0	0	UHF	49 +	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	0.0%	100.0%	570	570	0
NEW	DENIS	LPTV	APP	5.000	C/M	Clear	86.6	-	69.4	-9	0.0	6.0	0	UHF	34 Z	T-15	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	80	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	GAINES	LPTV	APP	25.000	C/M	Clear	140.6	-	122.7	-9	0.0	6.0	0	UHF	34 Z	T-15	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	80	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	PARIS	LPTV	APP	5.000	C/M	Clear	17.5	-	-1.0	-13	0.0	6.0	0	UHF	48 Z	A-1	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	89	0.0%	0.0%	32938	32938	32938
NEW	PARIS	LPTV	APP	5.000	C/M	Clear	14.2	-	-0.4	-3	0.0	6.0	0	UHF	50 +	A+1	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	89	0.0%	0.0%	30935	30935	30935

NEW	RANGEILPTV	APP	49.000	C/M	Clear	299.4	-	210.3	45	0.0	6.0	0	UHF	49 +	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	SHERMILPTV	APP	10.000	C/M	Clear	89.6	-	84.4	-9	0.0	6.0	0	UHF	34 +	T-15	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	80	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
W61BC	SHREVEA	LIC	7.240	C/M	Clear	208.3	-	195.3	-3	0.0	6.0	0	UHF	50 -	A+1	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	89	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
WBXS-C	SHREVEA	CP	104.000	C/M	Clear	208.3	-	185.4	-3	0.0	6.0	0	UHF	50 -	A+1	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	89	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
WNTZ	NATCHEDTV	CP	1000.00	C/M	Clear	422.8	-	205.9	2	10.0	14.0	3	UHF	49	Co	LR	F(50,90)	42	F(50,10)	21	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
WNTZ*	NATCHEDTV	LIC	82.200	C/M	Clear	422.8	-	224.9	2	10.0	14.0	3	UHF	49	Co	LR	F(50,90)	42	F(50,10)	21	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
WNTZ*	NATCHEDTV	LIC	82.200	C/M	Clear	422.8	-	224.9	2	10.0	14.0	3	UHF	49	Co	LR	F(50,90)	42	F(50,10)	21	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C